

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Đình Liên và bà Vũ Thị Lan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị May – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên
tòa:** Bà Dương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HN&GD ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T - sinh năm 1989

HKTT: xã TK, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở: thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T: Ông Nguyễn Kiều Đông – Luật sư văn phòng Luật sư Á đông- Đoàn Luật sư tỉnh Hải Dương (có mặt).

Bị đơn : Anh Vũ Đức Q - sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn T, xã TK, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Có mặt.

Người làm chứng:

- Bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1956.

Địa chỉ: thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- Ông Vũ Văn X, sinh năm 1955.

- Bà Vũ Thị M, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn T, xã TK, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:

Chị Vũ Thị T kết hôn với anh Vũ Đức Q trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TK, huyện B vào năm 2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trên nhiều mặt của cuộc sống; hơn nữa, anh Q không tôn trọng chị và không chịu khó lao động, chăm lo cho gia đình. Chị đã cố gắng nhẫn nại để chịu đựng, nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng không thành, mâu thuẫn giữa chị và anh Q vẫn thường xuyên xảy ra và ngày một căng thẳng hơn. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng chị sống ly thân nhau, anh Q ở với bố mẹ đẻ ở xã TK, còn chị ở với bố mẹ đẻ ở thôn Đông Giao, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Trong suốt thời gian ly thân đến nay, cả hai không quan tâm đến nhau, công việc, sinh hoạt của từng người đều riêng rẽ. Do vậy nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q.

Chị và anh Q có 2 con chung là Vũ Đức P, sinh ngày 24/10/2011, Vũ Nhật L, sinh ngày 08/4/2013. Cháu P bị bệnh Down, vẫn sống từ nhỏ cùng gia đình anh Q tại xã TK cho đến nay. Còn cháu Nhật L kể từ khi vợ chồng chị ly thân thì về sống cùng với chị ở thôn Đ, xã L tại gia đình bố mẹ đẻ của chị. Yêu cầu của chị T là được trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Nhật L, để anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Đức P. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con Vũ Nhật L và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Vũ Đức P hàng tháng với mức 1.000.000 đồng/tháng. Hiện tại chị làm nghề kinh doanh tự do, buôn bán mũi đục để chạm khắc gỗ, thu nhập hàng tháng khoảng 10 triệu đồng/tháng nên đủ khả năng kinh tế để nuôi con.

Chị T không yêu cầu chia tài sản.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T trình bày quan điểm: Vợ chồng chị T mâu thuẫn sâu sắc, không thực hiện được bốn phận xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, cuộc sống chung thực tế đã chấm dứt, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T và chấp nhận yêu cầu của chị T về nuôi con chung, giao chị T nuôi con Vũ Nhật L, giao anh Q nuôi con Vũ Đức P vì như vậy sẽ đảm bảo duy trì sự ổn định của Cháu L đang được chị T chăm sóc tốt, Cháu P đang được anh Q và gia đình bố mẹ đẻ của anh Q, chính quyền chăm sóc (do cháu bị bệnh Down, được hưởng trợ cấp hàng tháng từ UBND huyện B).

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn là anh Vũ Đức Q trình bày: Anh với chị T kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn như chị T trình bày.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T có quan hệ tình cảm với người khác. Anh không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do nợ nần, không thừa nhận quan điểm chị T cho rằng anh không chịu làm ăn. Tại phiên hòa giải, anh nhất trí ly hôn, song tại phiên tòa anh lại không đồng ý, nhưng thừa nhận không có giải pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn, tình trạng ly thân kéo dài.

Về con chung: anh xác định có 2 con chung như chị T trình bày. Cháu P bị bệnh Down đang ở với anh và hàng tháng được nhà nước trợ cấp. Cháu L đang ở với chị T. Nếu như chị T nhận nuôi cả hai con thì anh đồng ý, còn chị T không nuôi cả hai con thì anh nhận nuôi cả hai con vì không muốn hai con phải sống tách riêng. Anh cũng không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Anh xác định mình hoàn toàn có đủ khả năng nuôi cả hai con, vì làm nghề mộc, thu nhập bình quân khoảng 15.000.000 đồng/tháng, lại đang ở chung với bố mẹ đẻ và được sự hỗ trợ của bố mẹ anh trong chăm sóc con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã xác minh tại địa phương xã TK, được cung cấp thông tin: Anh Q và chị T trong thời gian chung sống ở thôn T, xã TK có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm rõ. Hiện tại một con chung của anh chị bị bệnh Down và đang được anh Q và gia đình chăm sóc bình thường, còn một người con chung thì đang được chị T nuôi dưỡng.

Người làm chứng là ông Vũ Văn X và bà Vũ Thị M là bố mẹ đẻ của anh Q khai: Anh Q và chị T kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống cùng với ông, bà ở thôn T, xã TK, sau đó vài năm vợ chồng chuyển sang xã L,

huyện C, tỉnh Hải Dương để sinh sống và làm ăn nhưng bị thua lỗ, từ đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn cãi cọ, xô xát và đến nay đã sống ly thân nhau đã được khoảng 3, 4 năm. Chị T sống cùng với con Vũ Nhật L sống tại gia đình nhà bố mẹ đẻ của chị T ở thôn Đông Giao, xã Lương Điền, còn anh Q cùng với con Vũ Đức P sống cùng với ông bà. Trước việc anh chị mâu thuẫn, ông bà đã cùng gia đình thông gia hòa giải nhưng không thành, nên quan điểm của ông bà là nếu chị T yêu cầu ly hôn thì Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Đối với cháu Vũ Đức P là con chung của anh chị bị bệnh Down, trí tuệ kém chỉ nói được vài câu, cháu ở với anh Q và ông bà, được gia đình chăm sóc cháu chu đáo. Chị T vẫn thỉnh thoảng về thăm nom, cho con quà và xin góp tiền nuôi dưỡng con nhưng ông bà thông cảm với việc chị còn phải nuôi một con nhỏ, nên không nhận. Ngược lại, anh Q cũng vẫn thăm nom Cháu L. Ông bà cho rằng, nếu phải giải quyết ly hôn, Tòa án nên giao anh Q nuôi con Vũ Đức P, chị T nuôi con Vũ Nhật L như hiện tại là hài hòa, phù hợp thực tế.

Người làm chứng là bà Vũ Thị Nh, mẹ đẻ của chị T trình bày: Chị Vũ Thị T và anh Vũ Đức Q là vợ chồng, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T, anh Q có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, mặt khác, anh Q không chịu làm ăn, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Khi vợ chồng chị T làm ăn bị thua lỗ nhiều càng xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng chung sống ở xã TK, huyện B, Hải Dương được hơn 1 năm kể từ ngày cưới thì chuyển về thôn Đ, xã L đến năm 2015 thì ly thân nhau, chị T vẫn sống cùng gia đình bà tại xã L, huyện C, còn anh Q sống tại xã TK.

Về con chung Vũ Nhật L hiện tại cùng với chị T đang sống với bà tại thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Cháu L được chị T và gia đình bà chăm sóc tốt hàng ngày, cháu được học hành đầy đủ. Gia đình bà có chỗ ở đảm bảo cho chị T chăm sóc con cái nếu được Tòa án giao nuôi dưỡng.

Chị T hiện đang làm nghề kinh doanh loại mặt hàng mũi đục, công cụ cho việc chạm khắc gỗ, mức thu nhập của chị T hàng tháng là khoảng 10 triệu đồng/tháng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện bình Giang phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của pháp luật trong thụ lý vụ án, xây dựng hồ sơ, tổ chức phiên tòa giải,

đưa vụ án ra xét xử và các hoạt động tố tụng khác. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong điều hành phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Vũ Đức Q.

- Về con chung: giao con chung Vũ Nhật L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Vũ Đức P cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, với mức 1.000.000 đồng/tháng, đối với Cháu P.

- Về tài sản chung: Không phải giải quyết.

- Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng theo quy định và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị T:

Chị Vũ Thị T và anh Vũ Đức Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, người làm chứng và tài liệu chứng cứ khác có đủ cơ sở để khẳng định: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng tính cách, nguyên nhân do làm ăn thua lỗ, mặt khác anh Q nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và sau đó sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay mặc dù đã được gia đình 2 bên hòa giải. Từ khi sống ly thân, anh chị không quan tâm đến nhau nữa. Tại phiên hòa giải, anh Q có quan điểm nhất trí ly hôn, nhưng tại phiên tòa anh lại không nhất trí, nhưng không đưa ra được giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị T và anh Q được ly hôn.

[2]. Về con chung: Hai con chung của anh chị là Vũ Nhật L và Vũ Đức P đều đang có cuộc sống ổn định, được bố mẹ, ông bà chăm sóc chu đáo, với cháu Q

đang được hưởng trợ cấp từ UBND huyện B, nên cần tiếp tục duy trì cuộc sống hiện tại là đảm bảo lợi ích toàn diện của các con. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử giao cho chị T nuôi dưỡng con chung là Vũ Nhật L, giao cho anh Q nuôi con chung Vũ Đức P.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con Vũ Nhật L. Đối với Cháu P, mặc dù anh Q không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con, nhưng chị T tự nguyện cấp dưỡng, xét thấy việc chị T cấp dưỡng nuôi con sẽ đảm bảo cho Cháu P được chăm sóc tốt hơn, nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị T.

[3] Về tài sản chung: chị T và anh Q không yêu cầu giải quyết việc chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Vũ Đức Q.

Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Nhật L, sinh ngày 08/4/2013; giao cho anh Vũ Đức Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Đức P, sinh ngày 24/10/2011. Chị T và anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con Vũ Nhật L; Ghi nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị T cấp dưỡng nuôi con chung Vũ Đức P hàng tháng với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng / tháng) cho đến khi con Vũ Đức P đủ 18 tuổi và có đủ năng lực hành vi dân sự, khả năng lao động tự nuôi mình.

Kể từ ngày anh Vũ Đức Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng chị T phải chịu tiền lãi của khoản tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005355 ngày 04/6/2019, Chị Vũ Thị T còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

Chị T, anh Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã TK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cường